

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thắm; ông Đặng Thành Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 6 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 - Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Minh T - sinh năm 1986

CCCD số 038086020062

Cư trú tại: Thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt có lý do).

Bị đơn: Chị Lê Lan P, sinh năm 1987

CCCD số 038187029150

Cư trú tại: Thôn 3, xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã L, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2025 và bản tự khai, nguyên đơn anh Vũ Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Lan P kết hôn ngày 05/4/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, Thanh Hoá (cũ) và chung sống với nhau tại thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn liên tục xảy ra và không thể hàn gắn được. Từ năm 2016, chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã L, H ở và không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Lan P.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Vũ Minh Q (nam), sinh ngày 05/11/2012. Từ ngày chị P và anh ly thân, cháu Q do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, nguyện vọng của anh là khi ly hôn anh sẽ tiếp tục nuôi cháu Q, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập nhiều lần và đã ra thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị Lê Lan P không có mặt, không thể hiện quan điểm, nguyện vọng của mình về ly hôn, con cái và tài sản để Toà án xem xét. Vì vậy, Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Toà án đã làm việc với bà Trịnh Thị C (mẹ đẻ chị P), bà C cho biết: Hiện nay, TAND khu vực 6- Thanh Hoá đang thụ lý vụ án ly hôn giữa Vũ Minh T và Lê Lan P. Nơi cư trú của chị P là ở Thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, vì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị P không ở chung cùng anh T nữa mà năm 2024 chị P về gia đình bà ở. Chị P thường đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà thăm bố mẹ và con. Bà nhận được thông báo thụ lý vụ án số 159 ngày 30/10/2025 và giấy triệu tập ngày 14/11/2025, giấy triệu tập ngày 02/12/2025, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải số 159 ngày 19/12/2025 của Toà án tổng đạt cho con gái bà là Lê Lan P. Bà đã gửi tất cả những giấy tờ mà Toà án tổng đạt cho con gái bà biết, chị P nói nếu anh T muốn ly hôn chị P cũng đồng ý, tuy nhiên vì đi làm thỉnh thoảng mới về nên mong Toà án giải quyết cho chị P được ly hôn vắng mặt.

Nay anh T làm đơn ly hôn con gái bà. Quan điểm của bà đồng ý để cho anh T ly hôn chị P. Mong Toà án xem xét giải quyết ly hôn cho hai cháu.

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 05/11/2012. Nay các cháu ly hôn đề nghị Toà án nếu giải quyết giao cháu Vũ Minh Q cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu thì anh T thỉnh thoảng cho cháu đến thăm ông bà, hoặc ông bà ngoại đón cháu đến nhà chơi.

Tại biên bản xác minh ngày 17/12/2025 ông [Nguyễn Văn G](#), trưởng thôn 3, [xã H](#) cho biết: Anh [Vũ Minh T](#) và chị [Lê Lan P](#) đăng ký kết hôn ngày 05/4/2012 tại [UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) (nay là [UBND xã H](#)). Thời gian đầu mới kết hôn anh [T](#), chị [P](#) chung sống hạnh phúc tại [tiểu khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) (nay là [thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#)). Thời gian sau ông được biết cuộc sống vợ chồng anh [T](#), chị [P](#) xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì ông không rõ. Hiện tại chị [P](#) không có mặt tại [thôn C, xã Q, tỉnh Thanh Hóa](#), nghe nói do mâu thuẫn vợ chồng chị [P](#) bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại [xã L, tỉnh Thanh Hóa](#). Nguyên nhân cụ thể dẫn đến vợ chồng anh chị mâu thuẫn nên chính quyền địa phương không hoà giải mâu thuẫn nên thôn, xã không can thiệp được.

Về con chung: Anh [T](#) và chị [P](#) có 01 con chung là cháu [Vũ Minh Q](#), sinh ngày 05/11/2012. Hiện nay cháu [Q](#) đang ở với anh [T](#) tại [thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa](#). Chính quyền địa phương đề nghị Toà án căn cứ vào đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tài liệu chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

- * Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh [Vũ Minh T](#)
- Về hôn nhân: Xử cho anh [Vũ Minh T](#) ly hôn chị [Lê Lan P](#)
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Vũ Minh Q](#) (nam), sinh ngày 05/11/2012 cho anh [Vũ Minh T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Chị [P](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh [T](#) không yêu cầu.
- Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia không đề nghị Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX miễn xét.
- * Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị buộc anh [Vũ Minh T](#) phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh [Vũ Minh T](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Lê Lan P](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn cư trú tại [xã H, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Anh Vũ Minh T vắng mặt có lý do, chị Lê Lan P vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Vũ Minh T và chị Lê Lan P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa), như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không ai nhường nhịn ai.

HĐXX thấy, trong cuộc sống hôn nhân giữa anh T, chị P luôn xảy ra mâu thuẫn, chị P đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã L, tỉnh Thanh Hóa ở và hai vợ chồng không còn liên lạc với nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh T được ly hôn với chị P là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Vũ Minh Q (nam), sinh ngày 05/11/2012. Anh T có nguyện vọng xin được nuôi cháu Q và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Chị P không đến Toà làm việc, không thể hiện quan điểm của chị về việc chị xin nuôi con. HĐXX thấy: Anh T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Q và cháu Q có nguyện vọng xin ở với anh T. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị P không phải cấp dưỡng nuôi con với anh T quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Minh T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1. 1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

*** Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Minh T

- Về hôn nhân: Xử cho anh [Vũ Minh T](#) được ly hôn với chị [Lê Lan P](#)
- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Vũ Minh Q](#) (giới tính: nam), sinh ngày 05/11/2012 cho anh [Vũ Minh T](#) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động. Chị [P](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh [T](#).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh [Vũ Minh T](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh [T](#) đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 30/10/2025 theo biên lai thu số: 0002440. Như vậy, anh [Vũ Minh T](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh [Vũ Minh T](#) và chị Lê Lan Phương

Anh [Vũ Minh T](#) và chị [Lê Lan P](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
 - Đương sự;
 - THADS tỉnh Thanh Hoá;
 - Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
 - UBND xã Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá
- (ĐK 05/4/2012);

- *Lưu* *hồ* *sơ* *vụ* *án.*
TỔNG THỊ HÀ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**